

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2021

Về việc “Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Chiến.

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị G, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Lâm Minh H, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lâm Thị G trình bày:**

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Minh H tự nguyện tìm hiểu và được tổ chức lễ cưới sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau vào năm 2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do ông H không lo cho vợ con, thường xuyên cò bạc gây ra nợ nần nhiều lần. Ngoài ra, còn ghen tuông vô cớ và có nhiều lời lẽ xúc phạm bà. Nay cảm

thấy vợ chồng không còn chung sống được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Minh H.

Về nuôi con chung: Bà và ông H có 02 người con chung tên Lâm Thường N1, sinh ngày 20/3/2004 và Lâm Thảo N2, sinh ngày 25/01/2010, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi nếu theo bà thì bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Minh H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lâm Thị G tự nguyện tìm hiểu và được tổ chức lễ cưới sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C vào năm 2005. Về mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của bà G là đúng. Tuy nhiên còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà G có 02 người con chung tên Lâm Thường N1, sinh ngày 20/3/2004 và Lâm Thảo N2, sinh ngày 25/01/2010. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi nếu theo ông thì ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị G khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Minh H, địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn T, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Lâm Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Bà Lâm Thị G và ông Lâm Minh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà G và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà G xác định trong quá trình chung sống ông H không lo cho vợ con, thường xuyên chửi bới gây ra nợ nần nhiều lần, ông H còn ghen tuông vô cớ và có nhiều lời lẽ xúc phạm đến bà G. Phía ông H thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn đúng như bà G trình bày nhưng ông H xác định còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà G. Tuy nhiên, từ

khi bà G nộp đơn xin ly hôn cho đến nay ông H không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để bà G quay về chung sống. Đồng thời, tại phiên tòa bà G cương quyết ly hôn với ông H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông H đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà G yêu cầu ly hôn là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị G cho bà Lâm Thị G được ly hôn với ông Lâm Minh H (bà G và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn R), huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104 ngày 24/8/2005).

Về nuôi con chung: Bà Lâm Thị G và ông Lâm Minh H có 02 người con chung tên Lâm Thường N1, sinh ngày 20/3/2004 và Lâm Thảo N2, sinh ngày 25/01/2010, hiện đang do bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Bà G và ông H xác định con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Tại đơn nguyện vọng ngày 05/01/2021 con chung tên Lâm Thường N1 và Lâm Thảo N2 có nguyện vọng ở với bà G. Do đó, tiếp tục giao 02 người con chung tên Lâm Thường N1, sinh ngày 20/3/2004 và Lâm Thảo N2, sinh ngày 25/01/2010 cho bà G nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông Lâm Minh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này nhưng ông H không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Lâm Thị G.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Lâm Thị G không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lâm Thị G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 12 năm 2020, bà G đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006455 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Lâm Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị G đối với ông Lâm Minh H.

Cho bà Lâm Thị G được ly hôn với ông Lâm Minh H (bà G và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn R), huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104 ngày 24/8/2005).

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên Lâm Thường N1, sinh ngày 20/3/2004 và Lâm Thảo N2, sinh ngày 25/01/2010 cho bà G nuôi dưỡng.

Ông Lâm Minh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này nhưng ông H không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Lâm Thị G.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lâm Thị G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 12 năm 2020, bà G đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006455 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm bà Lâm Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn R, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi